TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày: 27-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giáp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Mạnh Hậu;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/HSST ngày 21-5-2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Đ, sinh năm 1995, tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Tổ 14, ấp Láng Cát, xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: Khu dân cư số C, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do (sơn nước); Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Phạm Văn N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Con Phạm Thị Anh Đ, sinh năm 2016 (bị cáo Đ và Hằng sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, hiện nay không còn chung sống với nhau nữa); Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 19-12-2019– Có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Minh T, sinh ngày 30-01-2003, tại An Giang; Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khóm Châu Thới 3, phường A, thành phố B, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Khu dân cư số C, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do (thợ hồ); Trình độ văn hóa: 07/12; Con ông Đặng Thanh P, sinh năm 1970. và bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 18-12-2019– Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Minh T:

1. Bà Hoàng Thị Thủy, sinh năm 1979 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1959 – Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Minh- Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt tại phiên tòa).

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Anh Trần Văn H, sinh năm 1985 (Vắng mặt tại phiên tòa), địa chỉ: Khu B, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 18-12-2019, Đặng Minh T đang ở tại lán công trình Ngân hàng chính sách thì Trần Văn H điện thoại vào số 0829119477 của T nói "chút anh đưa tiền", có nghĩa là H đưa tiền cho T để mua ma túy đá. Một lát sau, T điện cho H hỏi H đang ở đâu để T gặp H lấy tiền thì H nói đang ở quán phở Tuyền. T điều khiển xe Dream biển kiểm soát 72K2 – 2310 đến gặp H, H đưa cho T 380.000đ (ba trăm tám mươi ngàn đồng), H nói T hùn vào 120.000đ (một trăm hai mươi ngàn đồng) để mua 01 (một) gói ma túy đá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) về H và T sử dụng chung. Sau khi nhận tiền của H, T bù tiền của mình vào cho đủ 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), T gọi điện đến số 0346506850 của Phạm Văn Đ để hỏi mua 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền ma túy đá, Đ nói T chạy lên nhà Đ, T chạy xe máy lên phòng trọ của Đ thuộc Khu 2 Côn Đảo (Phạm Văn Đ ở chung như vợ chồng với Lâm Thị Mỹ H), Trí đưa cho Đạt 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), Đ đưa cho T 01 (một) gói ma túy đá. Sau khi mua ma túy của Đ, T điện thoại cho H hỏi H ở đâu thì H nói T chạy lại chuồng Bò, T mang theo ma túy chạy xe về chuồng Bò. Khoảng 21 giờ 30 phút, T leo rào vào chuồng Bò, T đưa 01 (một) gói ma túy vừa mua của Đ cho H để sử dụng chung với H nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an huyện Côn Đảo phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) gói ny lon màu trắng, được hàn kín, bên trong chứa tinh thể không màu, trong suốt (Trí và Hoan khai là ma tuý đá); Số tiền 640.000đ (sáu trăm bốn mươi ngàn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, có gắn sim số: 0829119477; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh; có gắn sim số: 0918372556; 01 (một) xe mô tô hiệu Dream, màu đỏ Biển kiểm soát: 72 K2 – 2310, Số máy: ZS100FMG82901956, số khung: M1100-20000361.

Sau khi bắt quả tang, ngày 19-12-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn Đ và khám xét phòng trọ của Đ tại Khu 2 huyện Côn Đảo thu giữ vật chứng gồm: 04 (bốn) gói nylon màu trắng được hàn kín, bên trong chứa tinh thể trong suốt (Phạm Văn Đ khai tàng trữ nhằm bán trái phép cho người khác kiếm tiền lời); 01 (một) điện thoại di động Nokia có gắn sim số 0346506850; Số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng); 01 (một) hộp nhựa màu trắng, cao 08cm, đường kính 0,5x3,5cm; 07 (bảy) ống thủy tinh trong suốt dài 19,5cm;

- 06 (sáu) nỏ bằng thủy tinh trong suốt dài 05cm; 02 (hai) bật lửa hiệu Hoa Việt, đã qua sử dụng; 04 (bốn) gói ny lon màu trắng, kích thước 4x4cm, bên trong không chứa ma túy; 05 (năm) ống nhựa màu đen, dài 05cm; 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng, dài 11cm.

Tại Bản kết luận giám định số 30/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 27-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định:

1. Mẫu chất kết tinh không màu, trong suốt chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín (mẫu A1), được niêm phong trong một phong bì màu trắng (số thứ tự 01, ngày 18-12-2019), có hình dấu của Khu dân cư số 7 - UBND huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cùng các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Nghị, Phùng Văn Chinh, Nguyễn Anh Hoàng, Nguyễn Đăng Khoa, Trần Văn H, Đặng Minh T, gửi đến giám định có khối lượng **0,0600 gam,** là ma túy loại Methaphetamine.

2. Mẫu chất kết tinh không màu, trong suốt chứa trong 04 (bốn) gói nylon hàn kín (mẫu A2), được niêm phong trong một phong bì màu trắng (số thứ tự 01, ngày 19-12-2019), có hình dấu của Khu dân cư số 2 – UBND huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cùng các chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Văn Tuấn, Phùng Văn Chinh, Nguyễn Văn Sản, Phạm Văn Đ, Nguyễn Đăng Khoa, Lâm Thị Mỹ H, Nguyễn Anh Hoàng, gửi đến giám định có tổng khối lượng **1,9660 gam**, là ma túy, loại Methaphetamine.

Quá trình điều tra xác định: Đặng Minh T và Phạm Văn Đ quen biết từ trước với nhau, Phạm Văn Đ không biết Đặng Minh T chưa đủ 18 tuổi nên Đ có nói với T về việc Nếu ai cần mua ma túy thì T gọi cho Đ, T bán được 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền ma túy thì T được lợi 200.000đ (hai trăm ngàn đồng); T bán được 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền ma túy thì T được lợi 100.000đ (một trăm ngàn đồng), ngoài ra Đ còn cho T sử dụng ma túy không mất tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 11-2019 đến ngày 18-12-2019, Phạm Văn Đ đã bán trái phép chất ma túy cho Đặng Minh T tổng cộng 04 (bốn) lần; Đặng Minh T đã bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn H 02 (hai) lần; ngoài ra Đặng Minh T và Trần Văn H có 02 (hai) lần hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung, cụ thể:

Lần thứ 01: Vào khoảng giữa tháng 11-2019, Trần Văn H gọi vào số điện thoại 0829119477 của Đặng Minh T hỏi mua một liều ma túy đá với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) về sử dụng, T đồng ý bán ma túy cho H và hẹn gặp H tại trước quán cà phê Lêkima để H đưa tiền cho T. Sau khi nhận của H 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), T điện thoại vào số 0346506850 của Đ hỏi mua ma túy đá và Đ đồng ý. T điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển kiểm soát 72K2 – 2310 đi lên phòng trọ của Đ tại Khu 2 Côn Đảo, T mua của Đ 01 (một) gói ma túy đá với giá 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng). Sau khi mua ma túy của Đ, T mang ma túy về gần quán Lêkima bán lại cho H với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Việc mua bán này, T thu lợi 100.000đ (một trăm ngàn đồng).

Lần thứ 02: Vào khoảng 19 giờ ngày 17-12-2019, H điện thoại vào số 0829119477 của T nói với T đi mua ma túy về sử dụng chung và T đồng ý; T đi

tới trước quán Lêkima gặp H, H đưa cho T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), T hùn vào 200.000đ (hai trăm ngàn đồng). Sau đó, T một mình đến phòng trọ của Đ gặp Đ mua 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) được 01(một) gói ma túy đá, T đem gói ma túy đá về chuồng Bò sử dụng chung với H.

Lần thứ 03: Vào khoảng 22 giờ ngày 17-12-2019, H tiếp tục gọi điện thoại vào số 0829119477 cho T hỏi mua 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền ma túy và hẹn T chạy tới quán Karaoke Quà tặng Côn Đảo để H đưa tiền. T một mình đến điểm hẹn nhận từ H 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng). Sau khi nhận tiền từ H, T điện thoại cho Đ hỏi mua 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền ma túy đá và Đ nói T xuống phòng trọ của Đ; T một mình chạy xe máy xuống phòng trọ của Đ mua 01 (một) gói ma túy với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) và đem về khu vực chuồng Bò bán lại cho H với giá 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng). Việc mua bán này, T thu lợi 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Lần thứ 04: Vào khoảng 20 giờ ngày 18-12-2019, H điện thoại cho T nói T đi mua ma túy về sử dụng chung và được T đồng ý. Trí đến gặp H tại quán phở Tuyền, H đưa cho T 380.000đ (ba trăm tám mươi ngàn đồng), T hùn vào 120.000đ (một trăm hai mươi ngàn đồng). Sau đó, T điện thoại cho Đ hỏi mua 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền ma túy đá và được Đ đồng ý; T chạy lên phòng trọ của Đ mua 01 (một) gói ma túy với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Đến khoảng 21 giờ 30 phút, T mang ma túy về chuồng Bò, chuẩn bị sử dụng chung với H thì bị Công an huyện Côn Đảo phát hiện bắt quả tang.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo, Phạm Văn Đ và Đặng Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, luật sư bào chữa và người bào chữa hợp pháp của bị cáo T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nêu trên. Kiểm sát viên cũng không có ý kiến gì về kết luận giám định trên.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSCĐ ngày 18-5-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Đ và Đặng Minh T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo cũng như về vật chứng trong vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn Đ và Đặng Minh T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù.

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Minh T từ 05 năm đến 06 năm tù (60 tháng đến 72 tháng) : 4x3 = (45 tháng đến 54 tháng).

Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo chờ xử lý đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội 04 lần, bị cáo Đặng Minh T thừa nhận hành vi phạm tội 02 lần, luật sư bào chữa và người bào chữa hợp pháp của bị cáo T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo.

Luật sư Nguyễn Văn Minh bào chữa (có mặt tại phiên tòa) và người bào chữa hợp pháp của bị cáo T vắng mặt gửi bài phát biểu quan điểm: Đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo. Bị cáo T phạm tội lần đầu, khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 18 ngày là người chưa thành niên, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật, xã hội còn hạn chế nên có sự lệch lạc trong hành vi của mình, thiếu sự chăm sóc, giáo dục của gia đình và nhà trường; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội, tự thú lần phạm tội trước đó, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101, điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có cha Đặng Thanh Thưởng đã được Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba vào năm 2014, nên xem xét áp dụng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, dưới khung hình phạt để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo T cho rằng bị cáo là người chưa thành niên, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa và Người bào chữa hợp pháp, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Côn Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa và người bào chữa hợp pháp cho bị cáo Trí và bị cáo Đạt không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội 04 lần là bán trái phép chất ma túy cho Đặng Minh T; Bị cáo Đặng Minh T thừa nhận hành vi phạm tội 02 lần là bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn H, cụ thể:

Lần thứ 01: Vào giữa tháng 11-2019, Phạm Văn Đ bán trái phép cho Đặng Minh T 01 (một) gói ma túy với giá 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) tại phòng trọ của Đạt ở Khu 2 Côn Đảo. Sau đó, Đặng Minh T bán lại cho Trần Văn H với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tại phía trước quán Lêkima.

Lần thứ 02: Vào lúc 19 giờ ngày 17-12-2019, Đặng Minh T và Trần Văn H cùng hùn tiền (Hoan 300.000đ, Trí 200.000đ) để T mua của Đ 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) 01 (một) gói ma túy tại phòng trọ của Đ mang về chuồng Bò T và H sử dụng chung.

Lần thứ 03: Vào lúc 22 giờ ngày 17-12-2019, Phạm Văn Đ bán trái phép cho Đặng Minh T 01 (một) gói ma túy với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tại phòng trọ của Đ ở Khu 2 Côn Đảo. Sau đó, Đặng Minh T bán lại cho Trần Văn H với giá 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) tại chuồng Bò thuộc Khu 7 huyện Côn Đảo.

Lần thứ 04: Vào lúc 20 giờ ngày 18-12-2019, Đặng Minh T và Trần Văn H cùng hùn tiền (Hoan 380.000đ, Trí 120.000đ) để T mua của Đ 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) 01 (một) gói ma túy tại phòng trọ của Đ mang về chuồng Bò T và H sử dụng chung nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an huyện bắt quả tang thu giữ khối lượng 0,0600 gam, là ma túy, loại Methaphetamine.

Sau khi bắt quả tang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo khám xét phòng trọ của Phạm Văn Đ tại Khu 2 huyện Côn Đảo thu giữ vật chứng gồm: 04 (bốn) gói nylon màu trắng được hàn kín, có tổng khối lượng 1,9660 gam, là ma túy, loại Methaphetamine.

Giám định các chất thu giữ được của các bị cáo kết luận giám định số 30/GĐMT-PC09(Đ2) ngày 27-12-2019:

- Chất kết tinh không màu-trong suốt chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín thu giữ của Trần Văn H và Đặng Minh T gửi đến giám định có khối lượng **0,0600** gam, là ma túy, loại Methaphetamine.

- Chất kết tinh không màu-trong suốt chứa trong 04 (bốn) gói nylon hàn kín thu giữ tại nhà của Phạm Văn Đ gửi đến giám định có tổng khối lượng **1,9660** gam, là ma túy, loại Methaphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, Số thứ tự 323, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế

độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước và còn gây ra những tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm gia tăng tệ nạn nghiện hút, sử dụng ma túy trong cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm xã hội khác. Bị cáo Đ là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức về tác hại của ma túy đá cũng như quy định của pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi mua bán trái phép các chất ma túy, bị cáo T tuy chưa trưởng thành nhưng đã nhận thức được tác hại của ma túy. Hơn hết hai bị cáo đều nghiện ma túy, phải hiểu rõ hơn hết về tác hại, hậu quả do ma túy mang lại nhưng vì lợi ích của bản thân, muốn kiếm tiền nhanh chóng mà không phải mất sức lao động nên đã đi vào con đường phạm tội. Để tăng cường biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy tại địa phương nói chung cũng như để giáo dục, trừng trị riêng đối với các bị cáo cần có một hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, câu kết chặt chẽ, có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm; để có cơ sở lượng hình, cần liên hệ vai trò, tính chất mức độ tham gia của từng bị cáo.

Phạm Văn Đ là người giữ vai trò chính trong vụ án, chính Đ đã mua ma túy đá có nói với T về việc nếu ai cần mua ma túy thì Trí gọi cho Đ, T bán được 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền ma túy thì T được lợi 200.000đ (hai trăm ngàn đồng); T bán được 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiền ma túy thì T được lợi 100.000đ (một trăm ngàn đồng), ngoài ra Đ còn cho T sử dụng ma túy không mất tiền. Mặt khác, Đ ý thức được việc mua bán ma túy là hành vi phạm pháp, nguy hiểm cho bản thân nên đã dụ dỗ, lôi kéo T, cho sử dụng ma túy để T lệ thuộc vào Đ. Từ đó Đ dễ dàng sai khiến T thực hiện hành vi bán ma túy cho Đ. Do vậy, Phạm Văn Đ phải chịu trách nhiệm cao hơn Đặng Minh T.

Đặng Minh T là đồng phạm với vai trò thực hiện 02 lần là bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn H do Đ cung cấp ma túy và Đ còn cho Trí sử dụng ma túy không mất tiền. Từ đó thấy được Trí cũng đã được hưởng lợi ích từ bán ma túy giúp Đ. Xét vai trò, tính chất mức độ tham gia của T thấp hơn Đ nên mức án của T phải thấp hơn Đ.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo tự thú khai ra những hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đ ngoài lần bán trái phép chất ma túy cho T để T sửa dụng chung với H bắt được quả tang, bị cáo Đ còn khai ra 04 lần bán ma túy cho T trước đó, bị cáo T còn khai ra 02 lần bán ma túy cho H trước đó. Riêng đối với bị cáo T trong quá trình điều tra đã thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện thêm đồng phạm mới. Ngoài ra, bị cáo T có cha Đặng Thanh Thưởng đã được Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba vào năm 2014 và khi thực hiện hành phạm tội dưới 18 tuổi trong độ tuổi chưa thành niên. Vì vậy, cần áp dụng điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 6

Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự xử đối với bị cáo Trí. Áp dụng điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo Đ, T cần phải cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Xét các bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Đối với Lâm Thị Mỹ H sống chung như vợ chồng với Phạm Văn Đ; Quá trình điều tra xác định, việc Đạt bán trái phép chất ma túy tại phòng trọ Đ dấu không cho H biết. Hiện nay, Lâm Thị Mỹ H đã rời khỏi địa phương, không xác định được đang làm gì, ở đâu nên không triệu tập làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo đã thông báo truy tìm đối tượng Lâm Thị Mỹ H. Khi nào làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với đối tượng tên Trường (không rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho Phạm Văn Đ; Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh nhưng hiện chưa có căn cứ để điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn Đ, Đặng Minh T và Trần Văn H: Công an huyện Côn Đảo đã ra Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 21, Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ với mỗi người, mức phạt tiền là 750.000đ/ 01 người đối với Đạt và Hoan; Mức phạt tiền 375.000đ đối với Trí.

[10] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Dream, màu đỏ Biển kiểm soát: 72 K2 – 2310, Số máy: ZS100FMG82901956, số khung: M1100-20000361: Quá trình xác minh nhận thấy Biển kiểm soát và số khung số máy không trùng khớp. Số khung số máy không có dữ liệu trên hệ thống đăng ký của Cảnh sát giao thông. Biển kiểm soát 72K2-2310 do chị Nguyễn Thị Linh, địa chỉ: 60/3 Bạch Đằng, phường 5, thành phố Vũng Tàu đứng tên đăng ký. Hiện chị Linh không còn ở địa phương nên không làm việc được. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, Bị cáo khai mua của một ngươi tên Lâm vào tháng 7-2019 tại huyện Côn Đảo, số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng), không rõ họ tên, địa chỉ, bị cáo là người sử dụng cuối cùng, chiếc xe mô tô trên là phương tiện phạm tội. Tại Thông báo số 01/TB-CAH ngày 06-4-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo đã Thông báo cho bà Nguyễn Thị Linh và ai là chủ sở hiểu phương xe mô tô trên liên hệ Công an huyện Côn Đảo làm việc. Trong thời hạn 01 năm ai là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nêu trên, lên hệ với các cơ quan chức năng để xem xét giải quyết. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày 27-8-2020 nếu chủ sở hữu của chiếc xe không liên hệ với các cơ quan chức năng để giải quyết chiếc xe mô tô nêu trên thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 640.000đ (sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) thu được khi bắt quả tang Đặng Minh T: bao gồm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) là tiền thu lợi bất chính do T phạm tội mà có tịch thu sung công quỹ nhà nước và 440.000đ (bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) là tiền cá nhân của Đặng Minh T không liên quan đến vụ án trả lại cho bị cáo T.

- Đối với số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) thu giữ khi khám xét phòng trọ của bị cáo Đ là tiền cá nhân của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối với 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh; Imei: 352055/02/050039/1, gắn sim số: 0918372556 là điện thoại thuộc sở hữu của Trần Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho anh H.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, Imei 1: 355820090825888, Imei 2: 355820092825886, có gắn sim số: 0829119477 của bị cáo T;

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia 106, V100011, gắn sim số 0346506850 của bị cáo Đ;

+ Tịch thu tiêu hủy gồm:

- Số ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định mẫu A1 là **0,0441 gam** và mẫu A2 **1,8879** gam là chất cấm nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) hộp nhựa màu trắng, cao 08cm, đường kính 0,5x3,5cm; 07 (bảy) ống thủy tinh trong suốt dài 19,5cm; 06 (sáu) nỏ bằng thủy tinh trong suốt dài 05cm; 02 (hai) bật lửa hiệu Hoa Việt, đã qua sử dụng; 04 (bốn) gói ny lon màu trắng, kích thước 4x4cm, bên trong không chứa ma túy; 05 (năm) ống nhựa màu đen, dài 05cm; 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng, dài 11cm.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Phạm Văn Đ và Đặng Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-12-2019.

* Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 6 Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Minh T 45 (bốn lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-12-2019.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy Methamphetamine 0,0441 gam mẫu A1 và 1,8879 gam mẫu A2 còn lại sau giám định, chưa 02 (hai) phong bì gửi giám định (đã được niêm phong), kèm theo Kết luận giám định số 30/GĐMT-PC09(Đ2), ngày 27-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) hộp nhựa màu trắng, cao 08cm, đường kính 0,5x3,5cm; 07 (bảy) ống thủy tinh trong suốt dài 19,5cm; 06 (sáu) nỏ bằng thủy tinh trong suốt dài 05cm; 02 (hai) bật lửa hiệu Hoa Việt, đã qua sử dụng; 04 (bốn) gói ny lon màu trắng, kích thước 4x4cm, bên trong không chứa ma túy; 05 (năm) ống nhựa màu đen, dài 05cm; 01 (một) cái kéo bằng kim loại màu trắng, dài 11cm;

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, Imei 1: 355820090825888, Imei 2: 355820092825886, có gắn sim số: 0829119477;

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia 106, V100011, gắn sim số 0346506850;

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 200.000đ (hai trăm ngàn đồng);

+ Trả lại cho anh Trần Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh; Imei: 352055/02/050039/1, gắn sim số 0918372556;

+ Trả lại cho bị cáo Đặng Minh T số tiền 440.000đ (bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Đ 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng);

+ Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Dream, màu đỏ Biển kiểm soát: 72 K2 – 2310, số máy: ZS100FMG82901956, số khung: M1100-20000361. Trong thời hạn 01 năm ai là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nêu trên, lên hệ với các cơ quan chức năng để xem xét giải quyết. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày 27-8-2020 nếu chủ sở hữu của chiếc xe mô tô nêu trên không liên hệ với các cơ quan chức năng để giải quyết chiếc xe mô tô nêu trên thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo; theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 11/BB/20, ngày 19-5-2020 và biên lai thu tiền số: TT/2010/ 000894 ngày 19-5-2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo và Công an huyện Côn Đảo.

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Đ và Đặng Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, luật sư bào chữa và người bào chữa hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (THA);
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Công an huyện Côn Đảo;
- Chi cục THADS huyện Côn Đảo;
- Bị cáo, luật sư;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa